HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2022/NQ-HĐND	*Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 7 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phí thẩm định cấp, cấp

lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nộp phí

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

2. Tổ chức thu phí

a) Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Mức thu phí

1. Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với trường hợp quy định tại các điểm c, d, đ, e Khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) / Loại hình dự án	Nhỏ hơn hoặc bằng 50	Trên 50 đến 100	Trên 100 đến 200	Trên 200 đến 500	Trên 500
1	Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
2	Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
3	Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
4	Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,8	9,5	17,0	18,0	24,0
5	Dự án giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0
6	Dự án công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
7	Dự án khác (không thuộc loại hình dự án số 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6

Mức thu phí nêu trên tính theo lần thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp dự án thuộc từ 02 loại hình dự án trở lên thì mức thu phí ở loại hình dự án có mức thu cao nhất.

2. Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Tổng vốn đầu tư *(tỷ đồng)*	Mức thu phí/lần thẩm định *(triệu đồng)*
1	Nhỏ hơn hoặc bằng 50	5,0
2	Trên 50 đến 100	6,0
3	Trên 100 đến 200	10,8
4	Trên 200 đến 500	12,0
5	Trên 500	15,6

3. Phí thẩm định cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường

TT	Nội dung	Mức thu phí/ lần thẩm định *(triệu đồng)*
I	**CẤP TỈNH**	
1	Phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường đối với các trường hợp:	

TT	Nội dung	Mức thu phí/ lần thẩm định *(triệu đồng)*
	- Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường - Cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động	16,9
	- Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	14,5
2	Phí thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	1,4
II	**CẤP HUYỆN**	
1	Phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường	6,9
2	Phí thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	1,4

Mức thu phí nêu trên không bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải theo quy định.

4. Mức thu phí khi thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4

Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường khi thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 bằng 50% mức thu phí quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, thời gian áp dụng thực hiện đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Mức thu phí theo quy định này được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

Điều 4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Đối tượng nộp phí thực hiện nộp phí theo từng lần phát sinh và nộp trước thời điểm tổ chức thẩm định.

2. Tổ chức thu phí nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

3. Việc quản lý, sử dụng phí được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 7 năm 2022.

2. Nghị quyết này bãi bỏ Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Tài chính, Bộ Tài Nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài Nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh:C-PCVP, các Phòng, CV;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, PC(01), tvd180.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Bùi Thị Quỳnh Vân